TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **53**/2022/DS-ST. Ngày: 16/02/2022	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".	**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Đạt**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trương Hoàng Hoa**.

2/ Ông **Châu Văn Bình**.

-Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Thanh Phong**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

-Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 136/2021/QĐST-DS ngày 24/6/2021, Thông báo số 01/2021/TB-TA ngày 12/7/2021 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa dân sự sơ thẩm và Thông báo số 01/2022/TB-TA ngày 25/01/2022 về việc mở lại phiên tòa dân sự sơ thẩm, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Ngọc A**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Chị **Huỳnh Hoàng B**, sinh năm 1985. (có mặt)
Địa chỉ: Đường M1, Phường N1, thành phố Y, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

+ Chị **Võ Thị Thanh C (C)**, sinh năm 1974. (vắng mặt)

+ Anh **Cao Văn D**, sinh năm 1971. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M2, xã N2, huyện R, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Ngọc A là chị Huỳnh Hoàng B trình bày:*

Do có quan hệ quen biết từ trước nên chị Nguyễn Ngọc A (tên thường gọi là Gái) có cho chị Võ Thị Thanh C (tên thường gọi là Võ Thị Thanh C) vay tiền nhiều lần, cụ thể ngày 20/6/2020 (ÂL) vay số tiền 100.000.000 đồng, ngày 20/10/2020 (ÂL) vay số tiền 50.000.000 đồng.

Khi vay tiền, chị C có viết biên nhận nợ và ký tên Võ Thị Thanh C – là tên thường gọi tại địa B của chị C, các bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn vay, chỉ thỏa thuận miệng khi nào chị A cần sẽ yêu cầu chị C trả tiền. Khi vay tiền, chị C có trình bày mục đích vay để trả nợ ngân hàng, lo chi phí đám cưới cho con chị C, lo chi tiêu gia đình.

Đối với số tiền vay 150.000.000 đồng nêu trên chị C vẫn chưa trả được khoản tiền nào cho chị A.

Ngoài ra, chị A còn cho chị C vay góp 03 lần, cụ thể:

- Ngày 08/10/2020 (ÂL), chị A cho chị C vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 05/12/2020 (ÂL) thì mãn, mỗi ngày góp 200.000 đồng. Thực tế chị C góp đến ngày 03/11/2020 thì ngưng góp.

Trước đây, tại đơn khởi kiện chị A yêu cầu chị C trả số tiền vay góp còn lại 33 ngày với số tiền 6.600.000 đồng. Nay chị A chỉ yêu cầu chị C trả số tiền vay góp còn lại là 26 ngày với số tiền là 5.200.000 đồng.

- Ngày 13/9/2020 (ÂL), chị A cho chị C vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 10/11/2020 (ÂL) thì mãn, mỗi ngày góp 600.000 đồng. Thực tế chị C góp đến ngày 03/11/2020 thì ngưng góp.

Trước đây, tại đơn khởi kiện chị A yêu cầu chị C trả số tiền vay góp còn lại 09 ngày với số tiền 5.400.000 đồng. Nay chị A chỉ yêu cầu chị C trả số tiền vay góp còn lại là 02 ngày với số tiền là 1.200.000 đồng.

- Ngày 18/9/2020 (ÂL), chị A cho chị C vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 15/11/2020 (ÂL) thì mãn, mỗi ngày góp 400.000 đồng. Thực tế chị C góp đến ngày 03/11/2020 thì ngưng góp.

Trước đây, tại đơn khởi kiện chị A yêu cầu chị C trả số tiền vay góp còn lại 14 ngày với số tiền 5.600.000 đồng. Nay chị A chỉ yêu cầu chị C trả số tiền vay góp còn lại là 7 ngày với số tiền là 2.800.000 đồng.

Khi vay tiền góp, chị C có tự viết biên nhận nợ và ký tên Võ Thị Thanh C – là tên thường gọi tại địa B của chị C.

Tổng số tiền vay góp còn nợ lại là 9.200.000 đồng.

Tổng số tiền chị C, anh D còn nợ của chị A là 159.200.000 đồng.

Do chị C, anh D là vợ chồng, việc chị C vay tiền nhằm mục đích chăm lo cho gia đình, trả nợ ngân hàng, tổ chức lễ cưới cho con của anh chị. Hơn nữa, khi chị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, chị A có trực tiếp đến gặp anh D để yêu cầu trả nợ nên chị A yêu cầu anh D và chị C cùng liên đới trả số tiền còn nợ nêu trên.

**Bị đơn Võ Thị Thanh C vắng mặt tại buổi hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

**Bị đơn Cao Văn D trình bày:*

Anh và Võ Thị Thanh C là vợ chồng. Chị Võ Thị Thanh C còn có tên gọi khác là Võ Thị Thanh C tại quê quán của chị C. Trước đây chị C có làm nghề buôn bán rau củ quả tại chợ Bắc Đông thuộc ấp 2, xã Mỹ An, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Việc vay tiền giữa chị A và chị C anh hoàn toàn không biết vì chị C bỏ nhà đi từ khoảng tháng 11/2020 (ÂL) cho đến nay không còn liên lạc với gia đình.

Sau khi chị C bỏ đi thì chị A có đến gặp anh, hỏi thăm hiện nay chị C đang ở đâu chứ không yêu cầu anh trả nợ và anh cũng không hứa trả khoản nợ nào như chị A trình bày. Việc chị A cho rằng chị C vay tiền để lo cho đám cưới của con trai anh hoàn toàn không biết. Bởi anh và các con là lao động chính trong gia đình, khi anh và các con đi làm, tiền lương đều giao cho chị C giữ, để lo cho gia đình và chuẩn bị cho đám cưới.

Nay chị A yêu cầu anh liên đới cùng chị C trả số tiền nợ 159.200.000 đồng, anh không đồng ý, do việc chị C vay tiền với chị A khi nào, vay bao nhiêu, nhằm mục đích gì anh hoàn toàn không biết. Chị C cũng không sử dụng nguồn tiền này để phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bị đơn là vợ chồng chị Võ Thị Thanh C và anh Cao Văn D cùng cư trú tại ấp M2, xã N2, huyện X, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chị Võ Thị Thanh C, anh Cao Văn D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị Võ Thị Thanh C, anh Cao Văn D.

[2] Giữa chị Nguyễn Ngọc A và chị Võ Thị Thanh C có giao dịch dân sự trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

Đại diện ủy quyền của chị A trình bày đến thời điểm Tòa án xét xử chị Võ Thị Thanh C còn nợ chị A số tiền vay 159.200.000 đồng thể hiện qua các biên

nhận nợ có chữ viết, ký tên của chị C vào các ngày 20/6/2020, 20/10/2020, 08/10/2020, 13/9/2020, 18/9/2020 (ÂL).

Tại đơn khởi kiện, chị A yêu cầu vợ chồng chị C, anh D liên đới trả cho chị số tiền vay còn nợ 159.200.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, chị A, chị C có mối quan hệ quen biết do cùng là tiểu C bán ở chợ Bắc Đông. Chị C đã nhận đủ số tiền cho vay từ chị A; chị C có làm biên nhận nhưng đã trốn tránh, không thực hiện đúng cam kết trả nợ dù chị A đã nhiều lần cố gắng liên lạc, gặp mặt nhưng không thành; việc chị C không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết trong thỏa thuận về việc thanh toán tiền vay cho chị A là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận theo nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc A.

Xét thấy chị C vay nợ của chị A trong thời kỳ hôn nhân với anh Cao Văn D. Anh D trình bày không biết gì về khoản vay này, tiền vay không sử dụng trong sinh hoạt chung của vợ chồng và hiện tại vợ anh là chị B đã bỏ nhà đi đâu anh không rõ nên không phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận và anh cũng vắng mặt tại phiên tòa đã thể hiện thiếu sự hợp tác khi tham gia tố tụng.

Khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp khác hoặc luật có quy định khác".* Chị Nguyễn Ngọc A không yêu cầu tính lãi là có lợi cho vợ chồng chị Võ Thị Thanh C, anh Cao Văn D.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

-Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Áp dụng khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc A. Buộc chị Võ Thị Thanh C (C) và anh Cao Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc A số tiền 159.200.000 đồng *(Một trăm năm mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng),* trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Ngọc A có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Võ Thị Thanh C (C) và anh Cao Văn D chậm trả tiền thì chị C, anh D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2.Aùn phí:

- Chị Võ Thị Thanh C (C) và anh Cao Văn D phải liên đới chịu 7.960.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

-Chị Nguyễn Ngọc A được hoàn lại 4.175.000 đồng theo biên lai thu số 0004630 ngày 26/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo và cũng trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Tiền Giang;
-VKSND tỉnh Tiền Giang;
-VKSND huyện Chợ Gạo;
-Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán-Chủ Tọa Phiên Tòa

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Đạt